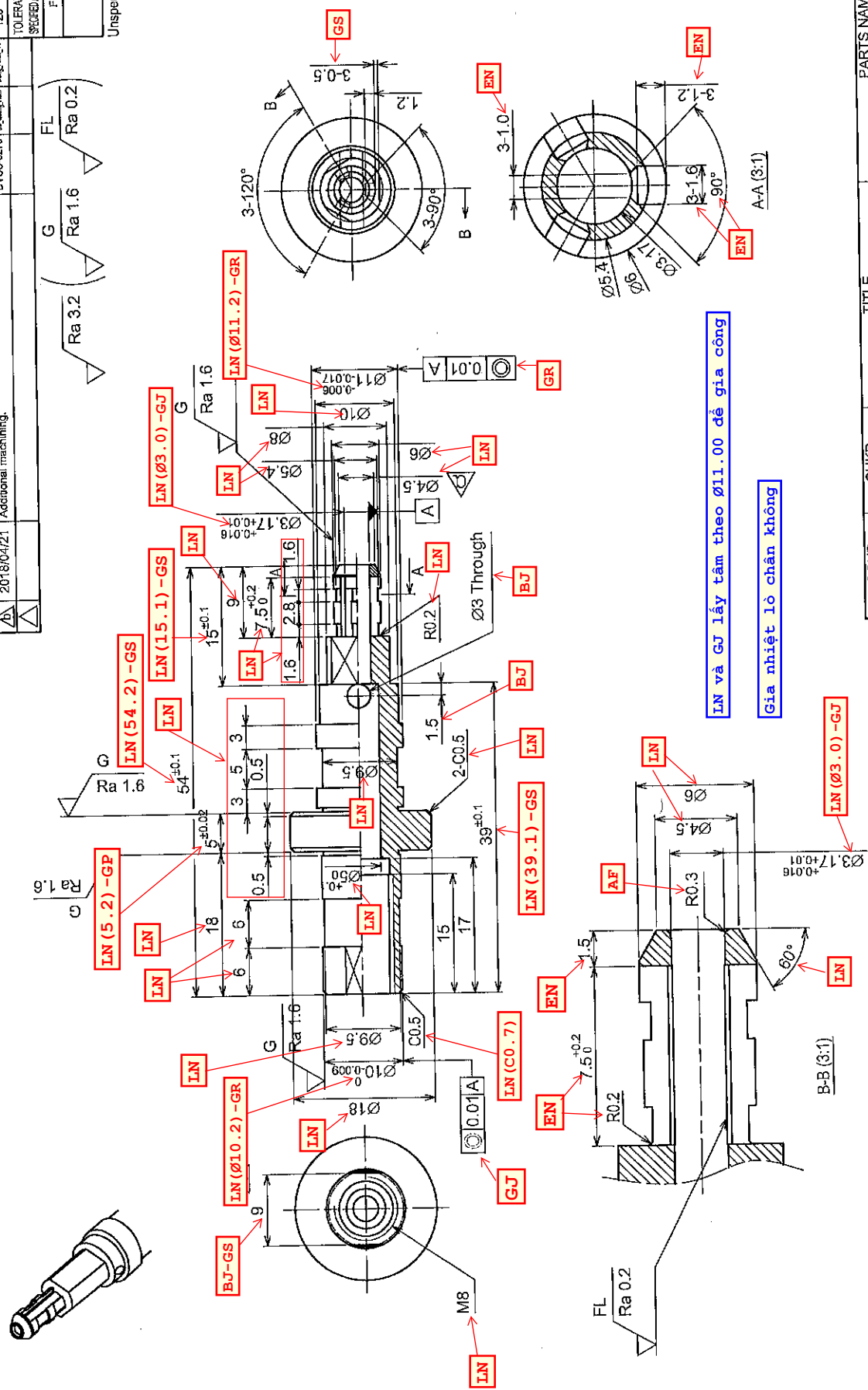


4 1 4 2 0 8 0 1 0 6

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2008/12/18			王鈺發		0.5 ± .6 6 < .5 30 ± 0.2
A	2009/12/11	寸差補記		魏倫銓		30 < .5 120 ± 0.3
B	2018/04/21	Additional machining.	DVCS-0270	廖國祥	廖國祥	120 < .5 400 ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES TO ALL DIMENSIONS UNLESS OTHERWISE SPECIFIED

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Pham_Phu_Quoc	Dong_Khai_Tu	部品図	チャック
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	CHUCK
HRC 60° ~ 0°		部品図	頭
		部品図	夾頭
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD	2018/04/21	2:1	
			S283660
4	5	HANBUCH MOTOR CO.,LTD.	



SNO: **S283660**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **10 PCS**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø20*60	LN:75 BJ:15 HT:40 GR:30 GP:30 GS:30 GJ:60 EN:90 AF:10 KT